

PTN/Số: HA.25.10917

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**
524 Đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
- Địa điểm lấy mẫu: **GIẾNG GK14 - THÔN 3 ĐÌNH TRẠNG HÒA - XÃ HÒA NINH**
- Loại mẫu: Nước dưới đất

Mã số mẫu	Thông tin mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.25.10917	Nước dưới đất	Khách hàng gửi mẫu	Trong cặn

- Ngày lấy mẫu: 03/12/2025 Thời gian thử nghiệm: 03/12/2025 - 15/12/2025
- Ngày trả kết quả: 15/12/2025
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^{(*)/(a)}	--	TCVN 6492:2011	2 – 12
2	TDS ^(*)	mg/L	HD – TDS	0 – 1.999 mg/L
3	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ^(*)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	5,0 mg/L
4	Chỉ số pecmanganat ^{(*)/(a)}	mg/L	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^{(*)/(a)}	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	0,02 mg/L
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^{(*)/(a)}	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,015 mg/L
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^{(*)/(a)}	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,015 mg/L
8	Cloride(Cl ⁻) ^{(*)/(a)}	mg/L	TCVN 6194:1996	1,8 mg/L
9	Sắt (Fe) ^{(*)/(a)}	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
10	Mangan (Mn) ^{(*)/(a)}	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/L
11	Asen (As) ^{(*)/(a)}	mg/L	SMEWW 3114B:2023	0,0006 mg/L
12	Tổng Coliform ^{(*)/(a)}	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	01 CFU/100mL

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 09:2023/BTNMT
			HA.25.10917	
1.	pH ^{(*) (a)}	--	7,2	5,8 – 8,5
2.	TDS ^(*)	mg/L	151	1500
3.	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) ^(*)	mg/L	56	500
4.	Chỉ số pecmanganat ^{(*) (a)}	mg/L	KPH	4
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^{(*) (a)}	mg/L	KPH	1
6.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^{(*) (a)}	mg/L	KPH	1
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^{(*) (a)}	mg/L	2,09	150
8.	Cloride (Cl ⁻) ^{(*) (a)}	mg/L	16,2	250
9.	Sắt (Fe) ^{(*) (a)}	mg/L	KPH	5
10.	Mangan (Mn) ^{(*) (a)}	mg/L	KPH	0,5
11.	Asen (As) ^{(*) (a)}	mg/L	KPH	0,05
12.	Tổng Coliform ^{(*) (a)}	CFU/100mL	KPH	3

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất

Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

Phòng Thử Nghiệm



ThS. Tạ Duy Phương

Giám Đốc Kỹ Thuật



Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu